

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21/01/2022

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Thị Lan
- Ông Huỳnh Phước Tỷ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Thị Thúy Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng:** Không thuộc trường hợp hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 105/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXX-ST ngày 04 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1968 (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Phan Thanh N, sinh năm 1953 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Minh T, xã Minh Th, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/10/2021 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị U trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị U và ông Phan Thanh N (sau đây gọi tắt là bà U, ông N) chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 đến nay, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng bà U, ông N thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cự cãi, không hợp. Sự việc cũng được vợ

chồng bà U, ông N và chính quyền địa phương nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, bà U yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: Vợ chồng bà U, ông N có 02 người con chung tên Phan Thị Thảo Q, sinh năm 1991 và Phan Thị Phụng C, sinh năm 1994. Các con đều trưởng thành, bà U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà U, ông N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Bà U xác định không có nợ chung và cũng không ai nợ vợ chồng bà, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 03/12/2021 và các lời khai tại Tòa án bị đơn ông Phan Thanh N trình bày:

Về hôn nhân: Vợ chồng ông N, bà U chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 đến nay, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian chung sống vợ chồng không còn lòng tin với nhau, cuộc sống hôn nhân không còn đầm ấm, hạnh phúc, bà U yêu cầu ly hôn ông đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Phan Thị Thảo Q, sinh năm 1991 và Phan Thị Phụng C, sinh năm 1994. Các con đều trưởng thành. Ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng ông N, bà U tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Đơn xin xác nhận ngày 02/11/2021 của bà Nguyễn Thị U về việc không có đăng ký kết hôn; sổ hộ khẩu tên Phan Thanh N (bản photo có chứng thực) và đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 29/11/2021 của bà Nguyễn Thị U.

Bị đơn cung cấp: Đơn xin ly hôn ngày 29/02/2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị U khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn ông Phan Thanh N. Đây là tranh chấp vụ án ly hôn, được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]. *Về hôn nhân*: Bà U, ông N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 đến nay, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng bà U, ông N sống rất hạnh phúc nhưng dần về sau vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống. Từ đó, tình cảm vợ chồng mất niềm tin với nhau. Sự việc cũng được vợ chồng hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Tình trạng mâu thuẫn của ông, bà được Ủy ban nhân xã Minh Thuận xác nhận. Tại phiên hòa giải ngày 03/12/2021 bà U, ông N thuận tình ly hôn nhưng do bà U, ông N không có đăng ký kết hôn, cho nên pháp luật không công nhận ông, bà là vợ chồng. Bởi lẽ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện ... việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý*”. Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng*”. Do đó, Hội đồng xét xử (HĐXX) không công nhận bà U, ông N là vợ chồng là phù hợp với khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về con chung*: Bà U, ông N có 02 người con chung tên Phan Thị Thảo Q, sinh năm 1991 và Phan Thị Phượng C, sinh năm 1994. Các con đều trưởng thành, bà Út không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung*: Bà U, ông N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

Nợ chung: Bà U, ông N không nợ ai, không ai nợ ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[5]. *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị U phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng bà Út được khấu trừ tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0003053 ngày 08/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Không công nhận mối quan hệ giữa bà Nguyễn Thị U và ông Phan Thanh N là vợ chồng.

2. *Về con chung:* Cháu Phan Thị Thảo Q, sinh năm 1991 và Phan Thị Phụng C, sinh năm 1994 (đều trưởng thành).

3. *Về tài sản chung:* Bà U, ông N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nợ chung: Bà U, ông N không nợ ai, không ai nợ ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Bà Nguyễn Thị U phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng bà U được khấu trừ tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0003053 ngày 08/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21/01/2022).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát ND H. U Minh Thượng;
- Chi cục Thi hành án DS H. U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Hoàng